

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2023/DS-ST
Ngày 07-8-2023
“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà H’Loan và ông Nguyễn Trường Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thúy Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa , tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thạch Huy– Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2020/DSST ngày 26 tháng 2 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-DS ngày 30-12-2023 và các quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa , giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: H, phường G, quận Đống Đa, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó giám đốc khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ.

Người được ủy quyền lại: Ông Huỳnh Minh T – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ: Tầng 1, số 96 T, phường 4, quận M, thành phố Hồ Chí Minh – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Việt H và bà Phạm Thị Hồng T; địa chỉ: Tổ 04, phường B, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 6 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng A- Chi nhánh Sài Gòn có cho ông Phạm Việt H và bà Phạm Thị Hồng T, cùng thường trú tại: tổ 4, phường B, thị xã C, tỉnh Đắk Nông (nay là thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông) vay vốn với nội dung cụ thể như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số: 9936035/SGN/HĐTD ký ngày 12/12/2016, giải ngân theo khế ước nhận nợ số: 01/9936035/SGN/HĐTD ký cùng ngày: Số tiền vay: 1.169.000.000 đồng; Mục đích vay: Vay mua xe đầu kéo HOWO 420HP, mới 100% và 01 móc tải Ben hiệu CIMIC, mới 100%; Thời hạn vay: 72 tháng (từ ngày 12/12/2016 đến ngày 12/12/2022); Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9,8%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên. Từ ngày 01/01/2018 trở đi, mức lãi suất được định kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần; Phương thức thanh toán: Trả gốc phân kỳ và lãi hàng tháng; Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 07/6/2019: Nợ gốc: 974.156.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 289.173.682 đồng. Tổng cộng: 1.263.329.682 đồng.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho số tiền vay cho hợp đồng tín dụng số: 9936035/SGN/HĐTD ký ngày 12/12/2016 là: 01 (một) xe Ô tô đầu kéo 02 chỗ ngồi, nhãn hiệu CNHTC, số loại: ZZ4257V32 có số khung: LVB4GA161271; số máy 160417013407; Biển số 48C - 040.77 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005038 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Nông cấp ngày 23/11/2016 và 01 (một) Sơ Mi Rơ Moóc, nhãn hiệu CIMIC; số khung 9387G6006272, Biển số 48R – 000.46 theo giấy chứng nhận đăng ký Rơ Moóc số 000077 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Nông cấp ngày 28/11/2016.

2. Hợp đồng cho vay số: 13321386/SGN/HĐTD ký ngày 12/5/2017, giải ngân theo khế ước nhận nợ số: 13321386/SGN/HĐTD ký cùng ngày: Số tiền vay: 945.000.000 đồng; Mục đích vay: Vay mua Ô tô Shacman SX3317HR, mới 100% để phục vụ kinh doanh vật liệu xây dựng; Thời hạn vay: 72 tháng (từ ngày 12/5/2017 đến ngày 12/5/2023); Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 9%/năm cố định trong 12 tháng đầu tiên. Từ tháng thứ 13 trở đi, từ ngày 01/7/2018 mức lãi suất được định kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần; Phương thức thanh toán: Trả gốc phân kỳ và lãi hàng tháng; Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 07/6/2019: Nợ gốc: 853.125.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 222.399.023 đồng. Tổng cộng: 1.075.524.023 đồng.

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho số tiền vay tại hợp đồng cho vay số: 13321386/SGN/HĐTD ký ngày 12/5/2017 là: 01 (một) xe Ô tô, nhãn hiệu SHACMAN, số loại: SX3317HR; Biển số: 48C - 044.46 có số khung: HR65FX036601; số máy 21615F044968 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006389 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Nông cấp ngày 04/5/2017.

3. Hợp đồng cho tín dụng số: LN1707140116012/SGN/HĐTD ký ngày 03/8/2017, giải ngân theo khế ước nhận nợ số: LN1707140116012/SGN/HĐTD ký cùng ngày: Số tiền vay: 928.000.000 đồng; Mục đích vay: thanh toán hợp đồng mua xe hiệu HYUNDAI SANTAFE; Thời hạn vay: 83 tháng (từ ngày 03/8/2017 đến ngày 03/7/2024); Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 10.4%/năm, cố định trong 6 tháng đầu tiên. Từ tháng thứ 7 trở đi, từ ngày 01/4/2018 mức lãi suất được định kỳ điều chỉnh 03 tháng/01 lần; Phương thức thanh toán: Trả gốc phân kỳ và lãi hàng tháng; Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 07/6/2019: Nợ gốc: 883.240.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 254.181.751 đồng. Tổng cộng: 1.137.421.751 đồng

Tài sản thế chấp để bảo đảm cho số tiền vay tại hợp đồng cho tín dụng số: LN1707140116012/SGN/HĐTD ký ngày 03/8/2017 là: 01 (một) xe Ô tô, nhãn hiệu HYUNDAI, số loại: SANTAFE; Biển số: 48A - 059.23 có số khung: 81XDHN008420; số máy D4HBU559236 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007019 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Nông cấp ngày 31/7/2017.

4. Giấy đăng ký mở thẻ vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản số CN/VN0010106/201611/42 ngày 21/11/2016 với số tiền vay là 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), lãi suất vay là 20%; Mục đích vay là sửa chữa nhà; Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 07/6/2019; Nợ gốc: 40.638.529 đồng; Nợ lãi quá hạn: 5.621.663 đồng. Tổng cộng: 57.503.519 đồng.

5. Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán số CN/NN0010106/2017/66 ngày 26/7/2017 với số tiền vay là 123.000.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu đồng), mục đích vay mua xe ô tô; lãi suất 20%. Loại hình vay: tín chấp; Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 07/6/2019; Nợ gốc: 109.233.198 đồng; Nợ lãi quá hạn: 15.414.018 đồng. Tổng cộng: 155.475.252 đồng.

Ông H và bà T bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi của 05 hợp đồng tín dụng trên từ tháng 01-2018. Phía Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi vay quá hạn cho Ngân hàng, nhưng ông Phạm Việt H và bà Phạm Thị Hồng T vẫn không thực hiện thanh toán nợ đúng hạn. Mặc dù, Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian cho ông Phạm Việt H và bà Phạm Thị Hồng T trả nợ nhưng vẫn không có ý thức trả dứt nợ cho ngân hàng.

Xét thấy bên vay không còn khả năng thanh toán nợ do đó VPBank đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn và thông báo chấm dứt việc thực hiện đối với Hợp đồng tín dụng trên, đồng thời tiến hành khởi kiện đương sự tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền yêu cầu Tòa án:

1. Buộc ông Phạm Việt H và bà Phạm Thị Hồng T, địa chỉ thường trú tại: tổ 4, phường B, thị xã C, tỉnh Đắk Nông trả ngay một lần cho Ngân

hàng A tổng số nợ gốc và lãi cho 05 hợp đồng nêu trên là: nợ gốc là: 2.860.392.727 đồng + lãi trong hạn và lãi quá hạn của 05 hợp đồng tạm tính đến hết ngày 07-8-2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 3.827.520.515 đồng, tổng cộng: 6.687.013.242 đồng.

2. Ngoài ra ông Phạm Việt H và bà Phạm Thị Hồng T còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn do việc chậm thi hành án cho đến khi trả xong số nợ còn lại theo lãi suất thỏa thuận của 05 Hợp đồng tín dụng nêu trên.

3. Trường hợp ông Phạm Việt H và bà Phạm Thị Hồng T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền áp dụng biện pháp kê biên, phát mại tài sản thế chấp.

Đối với bị đơn ông Phạm Việt H và bà Phạm Thị Hồng T vắng mặt tại phiên tòa, vì ông H, bà T thường xuyên vắng mặt tại địa phương nên sau khi thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng, Tòa án đã tiến hành xác minh và niêm yết thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa đối với ông H, bà T theo đúng quy định của pháp luật, đến thời điểm xét xử ông H, bà T vẫn vắng mặt.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Các đương sự tranh chấp về hợp đồng tín dụng; Bị đơn cư trú tại phường B, TP. C nên TAND thành phố Gia Nghĩa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35, Điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp:

- Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, có đủ căn cứ để xác định giữa Ngân hàng A và ông Phạm Việt H, bà Phạm Thị Hồng T có xác lập 05 hợp đồng vay tài sản, các hợp đồng này là hợp đồng vay có lãi suất và có thời hạn. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ mà các bên thỏa thuận. Ngân hàng đã nhiều lần có yêu cầu nhưng ông H, bà T không thực hiện là vi phạm quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông H, bà T phải trả số tiền vay của 05 hợp đồng là: nợ gốc là: 2.860.392.727 đồng cùng với lãi trong hạn và lãi quá hạn của 05 hợp đồng tạm tính đến hết ngày 07-8-2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 3.827.520.515 đồng, tổng cộng: 6.687.013.242 đồng là có căn cứ chấp nhận.

- Về xử lý tài sản đảm bảo: Đối với tài sản gồm 01 xe ô tô đầu kéo 02 chỗ ngồi, BKS 48C - 040.77, 01 Sơ Mi Rơ Moóc, BKS 48R - 000.46; 01 xe Ô tô, nhãn hiệu SHACMAN, BKS 48C - 044.46; 01 xe ô tô, nhãn hiệu HYUNDAI, số

loại: SANTAFE; BKS 48A - 059.23 là tài sản ông H, bà T thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo các khoản vay; do bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo vẫn không trả được hết nợ, ông H, bà T vẫn có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng A

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 điều 39, Áp dụng Điều Điều 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc ông Phạm Việt H và bà Phạm Thị Hồng T, trả ngay một lần cho Ngân hàng A tổng số nợ gốc và lãi cho 05 hợp đồng nêu trên là: nợ gốc là: 2.860.392.727 đồng + lãi trong hạn và lãi quá hạn của 05 hợp đồng tạm tính đến hết ngày 07-8-2023 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 3.827.520.515 đồng, tổng cộng: 6.687.013.242 đồng.

- Ông Phạm Việt H và bà Phạm Thị Hồng T còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn do việc chậm thi hành án cho đến khi trả xong số nợ còn lại theo lãi suất thỏa thuận của 05 Hợp đồng tín dụng nêu trên.

- Trường hợp ông Phạm Việt H và bà Phạm Thị Hồng T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền áp dụng biện pháp kê biên, phát mãi tài sản thế chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Phạm Việt H và bà Phạm Thị Hồng T là bị đơn có địa chỉ tại tổ 04, phường B, thành phố C, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ pháp luật:* Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Việt H và bà Phạm Thị Hồng T trả số tiền gốc đã vay là 2.860.392.727 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 9936035/SGN/HĐTD ký ngày 12/12/2016; Hợp đồng cho vay số: 13321386/SGN/HĐTD ký ngày 12/5/2017; Hợp đồng cho tín dụng số: LN1707140116012/SGN/HĐTD ký ngày 03/8/2017; Giấy đăng ký mở thẻ vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản số CN/VN0010106/201611/42 ngày 21/11/2016; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBD, mở và sử dụng tài khoản thanh toán số CN/NN0010106/2017/66 ngày 26/7/2017 và tiền lãi tính đến thời điểm xét xử

và xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật thì đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:* Sau khi triệu tập nhiều lần Ông Phạm Việt H và bà Phạm Thị Hồng T không có mặt làm việc, Tòa án đã tiến hành xác minh, kết quả cho thấy ông H, bà T có đăng ký thường trú tại tổ 4, phường B, thành phố C, tỉnh Đắk Nông nhưng bỏ đi khỏi địa phương. Chính quyền địa phương không được thông báo và không biết ông H, bà T đã đi đâu. Ông H, bà T cũng không thông báo cho Ngân hàng A, là bên có quyền biết địa chỉ nơi cư trú mới. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với ông H, bà T theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và xét xử vắng mặt ông H, bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

[4]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả gốc và lãi theo 05 Hợp đồng sau đến thời điểm xét xử sơ thẩm:

Hợp đồng tín dụng số: 9936035/SGN/HĐTD ký ngày 12/12/2016, tính đến ngày xét xử 07/8/2023 tổng cộng là 2.216.801.050 đồng (trong đó nợ gốc 974.156.000đồng, lãi trong hạn 831.586.396 đồng, lãi quá hạn 441.058.654 đồng).

Hợp đồng cho vay số: 13321386/SGN/HĐTD ký ngày 12/5/2017, tính đến ngày xét xử 07/8/2023 tổng cộng là 1.901.579.226 đồng (trong đó nợ gốc 853.125.000đồng, lãi trong hạn 632.417.687 đồng, lãi quá hạn 416.036.539 đồng).

Hợp đồng cho tín dụng số: LN1707140116012/SGN/HĐTD ký ngày 03/8/2017, , tính đến ngày xét xử 07/8/2023 tổng cộng là 2.028.802.628đồng (trong đó nợ gốc 883.240.000đồng, lãi trong hạn 697.781.180đồng, lãi quá hạn 447.781.448đồng).

Giấy đăng ký mở thẻ vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản số CN/VN0010106/201611/42 ngày 21/11/2016, , tính đến ngày xét xử 07/8/2023 tổng cộng là 146.034.650 đồng (trong đó nợ gốc 40.638.529đồng, lãi trong hạn 45.517.477đồng, lãi quá hạn 59.878.643đồng).

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán số CN/NN0010106/2017/66 ngày 26/7/2017, , tính đến ngày xét xử 07/8/2023 tổng cộng là 394.695.688đồng (trong đó nợ gốc 109.233.198đồng, lãi trong hạn .123.217.407đồng, lãi quá hạn 162.245.084 đồng).

Ông Phạm Việt H và bà Phạm Thị Hồng T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, lãi theo Hợp đồng tín dụng số: 9936035/SGN/HĐTD ký ngày 12/12/2016 từ ngày 19/01/2018; Hợp đồng cho vay số: 13321386/SGN/HĐTD ký ngày 12/5/2017 từ ngày 19/01/2018; Hợp đồng cho tín dụng số: LN1707140116012/SGN/HĐTD ký ngày 03/8/2017 từ ngày 14/01/2018; Giấy đăng ký mở thẻ vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản số CN/VN0010106/201611/42 ngày 21/11/2016 từ ngày 25/01/2018; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán số CN/NN0010106/2017/66 ngày 26/7/2017 từ ngày 15/01/2018 đến thời điểm xét xử. Như vậy, ông H, bà T đã vi phạm hợp đồng tín dụng và yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ cần chấp nhận. Đây là Hợp đồng vay có lãi cho nên đến thời hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất do Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Vì vậy, tổng số tiền ông Phạm Việt H và bà Phạm Thị Hồng T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A đối với Hợp đồng tín dụng số: 9936035/SGN/HĐTD ký ngày 12/12/2016; Hợp đồng cho vay số: 13321386/SGN/HĐTD ký ngày 12/5/2017; Hợp đồng cho tín dụng số: LN1707140116012/SGN/HĐTD ký ngày 03/8/2017; Giấy đăng ký mở thẻ vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản số CN/VN0010106/201611/42 ngày 21/11/2016; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán số CN/NN0010106/2017/66 ngày 26/7/2017 tính đến ngày 07/8/2023 là 6.687.913.000 đồng (trong đó nợ gốc 2.860.392.000 đồng, lãi trong hạn 2.330.520.000 đồng, lãi quá hạn 1.497.000.000 đồng), trả một lần sau khi bản án có hiệu lực là có cơ sở, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5]. *Về xử lý tài sản đảm bảo*: Xét các Hợp đồng thế chấp xe ô tô. Cụ thể, Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 9936035/SGN/HĐTD ký ngày 12/12/2016 là: 01 (một) xe Ô tô đầu kéo 02 chỗ ngồi, nhãn hiệu CNHTC, số loại: ZZ4257V32 có số khung: LVB4GA161271; số máy 160417013407; Biển số 48C - 040.77 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005038 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Nông cấp ngày 23/11/2016 và 01 (một) Sơ Mi Rơ Moóc, nhãn hiệu CIMIC; số khung 9387G6006272, Biển số 48R – 000.46 theo giấy chứng nhận đăng ký Rơ Moóc số 000077 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Nông cấp ngày 28/11/2016.

Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 13321386/SGN/HĐTD ký ngày 12/5/2017 là: 01 (một) xe Ô tô, nhãn hiệu SHACMAN, số loại: SX3317HR; Biển số: 48C - 044.46 có số khung: HR65FX036601; số máy 21615F044968 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006389 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Nông cấp ngày 04/5/2017.

Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1707140116012/SGN/HĐTD ký ngày 03/8/2017 là: 01 (một) xe Ô tô, nhãn hiệu HYUNDAI, số loại: SANTAFE; Biển số: 48A - 059.23 có số khung: 81XDHN008420; số máy D4HBU559236 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007019 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Nông cấp ngày 31/7/2017.

Các Hợp đồng thế chấp được thực hiện giữa bên thế chấp là ông Phạm Việt H và bà Phạm Thị Hồng T và bên nhận thế chấp là Ngân hàng A. Do ông H, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc xử lý tài sản đảm bảo, trường hợp H, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 9936035/SGN/HĐTD ký ngày 12/12/2016; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 13321386/SGN/HĐTD ký ngày 12/5/2017; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1707140116012/SGN/HĐTD ký ngày 03/8/2017 để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo vẫn không trả được hết nợ, ông H, bà T vẫn có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng A.

Sau khi ông H, bà T thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng trước khi xử lý tài sản thế chấp, Ngân hàng phải trả lại cho ông H, bà H các tài sản bảo đảm tiền vay tại Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 9936035/SGN/HĐTD ký ngày 12/12/2016; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 13321386/SGN/HĐTD ký ngày 12/5/2017; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1707140116012/SGN/HĐTD ký ngày 03/8/2017.

[6]. *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của A được chấp nhận nên ông Phạm Việt H và bà Phạm Thị Hồng T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ngân hàng A được nhận lại tiền án phí dân sự đã nộp.

[7]. Xét quan điểm và đường lối xử lý của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 275, các Điều 280, 317, 318, 320 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A.

Buộc ông Phạm Việt H và bà Phạm Thị Hồng T phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền là 6.687.913.000 đồng (trong đó nợ gốc 2.860.392.000 đồng, lãi

trong hạn 2.330.520.000đồng, lãi quá hạn 1.497.000.000đồng), theo Hợp đồng tín dụng số: 9936035/SGN/HĐTD ký ngày 12/12/2016; Hợp đồng cho vay số: 13321386/SGN/HĐTD ký ngày 12/5/2017; Hợp đồng cho tín dụng số: LN1707140116012/SGN/HĐTD ký ngày 03/8/2017; Giấy đăng ký mở thẻ vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản số CN/VN0010106/201611/42 ngày 21/11/2016; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán số CN/NN0010106/2017/66 ngày 26/7/2017.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm ông Phạm Việt H, bà Phạm Thị Hồng T vẫn phải tiếp tục chịu lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số: 9936035/SGN/HĐTD ký ngày 12/12/2016; Hợp đồng cho vay số: 13321386/SGN/HĐTD ký ngày 12/5/2017; Hợp đồng cho tín dụng số: LN1707140116012/SGN/HĐTD ký ngày 03/8/2017; Giấy đăng ký mở thẻ vay tiêu dùng cá nhân, mở và sử dụng tài khoản số CN/VN0010106/201611/42 ngày 21/11/2016; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán số CN/NN0010106/2017/66 ngày 26/7/2017 cho đến khi thanh toán xong.

2. Về xử lý tài sản đảm bảo: Trường hợp H, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 9936035/SGN/HĐTD ký ngày 12/12/2016; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 13321386/SGN/HĐTD ký ngày 12/5/2017; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1707140116012/SGN/HĐTD ký ngày 03/8/2017 để thu hồi nợ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản đảm bảo vẫn không trả được hết nợ, ông H, bà T vẫn có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng A.

Sau khi ông H, bà T thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng trước khi xử lý tài sản thế chấp, Ngân hàng phải trả lại cho ông H, bà T các tài sản bảo đảm tiền vay tại Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 9936035/SGN/HĐTD ký ngày 12/12/2016; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: 13321386/SGN/HĐTD ký ngày 12/5/2017; Hợp đồng thế chấp xe ô tô số: LN1707140116012/SGN/HĐTD ký ngày 03/8/2017

3. Về án phí: Buộc bị đơn ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị Hồng T phải nộp 114.688.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng A số tiền 52.893.000đồng theo biên lai số 0001180 ngày 05-07-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND thành phố Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng Tòa án.

Trần Ngọc Anh